

**BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN
6 THÁNG ĐẦU NĂM NĂM 2023**
(Số liệu tính đến hết ngày 30/6/2023)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu phấn đấu và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (%)
I. Tình hình CNVCLĐ và việc thực hiện một số chính sách quan trọng đối với người lao động.				
1. Tiền lương của người lao động.				
1.	Số DN nợ lương người lao động	DN	0	
2.	Số tiền lương DN nợ người lao động	triệu đồng	0	
2. Thực hiện hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.				
3.	Số DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	DN	142	Từ 3 tháng trở lên
4.	Số tiền DN nợ đóng BHXH, BHYT, BHTN	triệu đồng	8.254	
3. Tranh chấp lao động tập thể, đình công.				
5.	Số vụ tranh chấp lao động tập thể, đình công đã xảy ra, trong đó:	vụ	0	
6.	+ DN nhà nước	vụ	0	
7.	+ DN ngoài nhà nước	“	0	
8.	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	“	0	
4. Công tác an toàn, vệ sinh lao động.				
9.	Số vụ tai nạn lao động, trong đó:	vụ	5	
10.	+ DN có công đoàn	“	4	
11.	+ DN không có công đoàn	“	1	
12.	Số người bị tai nạn lao động, trong đó:	người	5	
13.	+ DN có công đoàn	“	4	
14.	+ DN không có công đoàn	“	1	
15.	Số vụ tai nạn lao động chết người, trong đó:	vụ	1	
16.	+ DN có công đoàn	“	1	
17.	+ DN không có công đoàn	“	0	
18.	Số người chết vì tai nạn lao động, trong đó:	người	1	
19.	+ DN có công đoàn	“	1	
20.	+ DN không có công đoàn	“	0	
21.	Số người mắc bệnh nghề nghiệp, trong đó:	người	1	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu phấn đấu và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (%)
22.	+ Số người mắc mới trong kỳ báo cáo	“	1	
23.	Số DN có thành lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên	DN	110	
24.	Số an toàn vệ sinh viên	người	433	
II. Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.				
	1. Thỏa ước lao động tập thể.			
25.	Số DN có thỏa ước lao động tập thể, trong đó:	DN	144	
26.	+ DN nhà nước	“	4	
27.	+ DN ngoài nhà nước	“	126	
28.	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	“	14	
	2. Thực hiện quy chế dân chủ.			
29.	Tổng số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng tổ chức hội nghị CB,CC,VC	đơn vị	520	
30.	Số cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng đã tổ chức hội nghị CB,CC,VC	“	520	Đạt 100% chỉ tiêu năm và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (520 cơ quan, đơn vị)
31.	Số DN nhà nước đã tổ chức hội nghị NLD	DN	4	Đạt 100% chỉ tiêu năm và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (4 doanh nghiệp)
32.	Số DN ngoài nhà nước đã tổ chức hội nghị NLD	“	77	Đạt 96,3% chỉ tiêu năm và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (80 doanh nghiệp).
33.	Số DN Nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc, trong đó:	“	4	Đạt 100% chỉ tiêu năm và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (4 doanh nghiệp)
34.	+ Đối thoại định kỳ	cuộc	4	
35.	+ Đối thoại đột xuất	“	0	
36.	Số DN ngoài nhà nước đã tổ chức đối thoại tại nơi làm việc, trong đó:	“	69	Đạt 63% chỉ tiêu năm và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (110 doanh nghiệp).

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu phấn đấu và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (%)
37.	+ Đối thoại định kỳ	cuộc	69	
38.	+ Đối thoại đột xuất	“	0	
39.	Số cơ quan, đơn vị, DN đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở, trong đó:	đơn vị, DN	578	
40.	+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập	đơn vị	517	
41.	+ DN nhà nước	DN	4	
42.	+ DN ngoài nhà nước	“	57	
3. Thực hiện giám sát, phản biện xã hội theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị.				
	+ Số cuộc công đoàn chủ trì giám sát	Cuộc	0	
	+ Số cuộc công đoàn tham gia giám sát	“	0	
	+ Số cuộc hội nghị phản biện	“	2	Hội nghị lấy ý kiến cán bộ, đoàn viên, người lao động góp ý Dự thảo Luật Đất đai (sửa đổi) và Hội nghị tiếp xúc cử tri chuyên đề của Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh với cán bộ, đoàn viên và công nhân lao động trong các doanh nghiệp
4. Công tác tư vấn pháp luật, đại diện bảo vệ tại tòa án.				
43.	Số người được tư vấn pháp luật	lượt người	740	Các cấp công đoàn tư vấn và phối ngành chức năng tổ chức Hội nghị tư vấn pháp luật trực tiếp cho đoàn viên, người lao động
44.	Số người được bảo vệ tại tòa án	người	0	
5. Chăm lo lợi ích đoàn viên và người lao động.				
45.	Số đoàn viên và người lao động có hoàn cảnh khó khăn được công đoàn hỗ trợ, thăm hỏi	lượt người	4.520	
46.	Số tiền hỗ trợ, thăm hỏi	triệu đồng	2.680	
47.	Số thỏa thuận hợp tác được ký mới trong kỳ báo cáo	bản	1	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu phấn đấu và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (%)
48.	Số đoàn viên và người lao động được thụ hưởng chương trình “Phúc lợi cho đoàn viên và người lao động”	lượt người	795	
49.	Số tiền hưởng lợi	triệu đồng	25	
50.	Công đoàn cơ sở DN thương lượng với người sử dụng lao động điều chỉnh giá trị bữa ăn ca từ 18 nghìn đồng/suất trở lên	đơn vị	8	Đạt 80% chỉ tiêu năm và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (10 doanh nghiệp)
51.	Quỹ xã hội công đoàn (do đoàn viên, người lao động đóng góp và các tổ chức, cá nhân tài trợ), trong đó:			
52.	+ Số tiền vận động được trong kỳ báo cáo	triệu đồng	499	Đạt 71,4% kế hoạch (700 triệu đồng)
53.	+ Hỗ trợ xây dựng, sửa chữa nhà “Mái ấm Công đoàn”	nhà	Xây mới 5 nhà	
54.	+ Số tiền hỗ trợ xây mới, sửa chữa	triệu đồng	250	
55.	Quỹ trợ vốn (chương trình, dự án tài chính vi mô), trong đó:			
56.	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng	0	
57.	+ Số người được cho vay	người	0	
58.	Quỹ quốc gia về việc làm			
59.	+ Số vốn cho vay trong kỳ báo cáo	triệu đồng	470	
60.	+ Số người được cho vay	người	9	

III. Công tác thi đua, khen thưởng.

	1. Sáng kiến.			
61.	Số sáng kiến được công nhận	sáng kiến	650	
62.	Giá trị làm lợi	triệu đồng	320	
63.	Tiền thưởng sáng kiến	“	150	
	2. Công trình sản phẩm thi đua.			
64.	Số công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	công trình, sản phẩm	0	
65.	Giá trị làm lợi từ các công trình, sản phẩm thi đua được công nhận	triệu đồng	0	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu phấn đấu và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (%)
66.	Số người đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở”	người	0	
IV. Công tác tuyên truyền, giáo dục.				
67.	Số đoàn viên, người lao động nơi có tổ chức công đoàn được học tập, tuyên truyền, phổ biến các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước; nghị quyết của Công đoàn	lượt người	27.616	
68.	Số đoàn viên, người lao động được tham gia hoạt động văn hoá, thể thao, hội diễn văn nghệ do công đoàn tổ chức	“	1.945	
69.	Số đoàn viên, người lao động được học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp	“	958	
V. Công tác nữ công.				
70.	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở thành lập ban nữ công quần chúng	đơn vị	11	
71.	Số công đoàn cơ sở khu vực hành chính, sự nghiệp; DN nhà nước có từ 10 nữ đoàn viên trở lên; trong đó:	CĐCS	400	
	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC	400	
72.	+ Số ban nữ công quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	“	0	
73.	Số công đoàn cơ sở khu vực DN ngoài nhà nước có từ 10 nữ đoàn viên trở lên, trong đó:	CĐCS	68	
74.	+ Số ban nữ công quần chúng đã thành lập đầu kỳ báo cáo	BNC	65	
75.	+ Số ban nữ công quần chúng thành lập mới trong kỳ báo cáo	“	3	Đạt 100% chỉ tiêu năm và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (3 Ban)
76.	Tổng số ủy viên ban nữ công quần chúng, trong đó:	người	1.496	
77.	+ Công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	người	92	
78.	+ Công đoàn cơ sở khu vực hành chính, sự nghiệp; DN nhà nước	“	1.200	
79.	+ Công đoàn cơ sở khu vực DN ngoài nhà nước	người	204	
80.	Số người được khen thưởng phong trào thi đua “Giỏi việc nước, đảm việc nhà”, trong đó:	người	173	

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu phấn đấu và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (%)
81.	+ Khu vực hành chính, sự nghiệp và DN nhà nước	“	122	
82.	+ Khu vực ngoài nhà nước	“	51	
VI. Công tác kiểm tra, tài chính.				
83.	Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở đã tổ chức thực hiện việc kiểm tra tài chính cùng cấp trong kỳ báo cáo	đơn vị	7	Đạt 63,6% chỉ tiêu năm và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (11 đơn vị)
84.	Kiểm tra tài chính tại công đoàn cơ sở DN ngoài nhà nước	DN	0	Chưa thực hiện
85.	Số DN thực hiện việc nộp kinh phí công đoàn qua tài khoản Công đoàn Việt Nam trong kỳ báo cáo	DN	0	Chưa thực hiện
VII. Công tác tổ chức.				
	1. Tổng số CNVCLĐ, đoàn viên công đoàn, công đoàn cơ sở.			
86.	Tổng số CNVCLĐ	người	36.337	
87.	Tổng số đoàn viên công đoàn, trong đó:	đoàn viên	34.285	
88.	+ Tổng số đoàn viên phát triển tăng thêm	“	1.274	Đạt 58% chỉ tiêu năm (2.200 đoàn viên) và 67,3% chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (1.894 đoàn viên)
89.	+ Tổng số đoàn viên giảm	“	0	
90.	+ Tổng số đoàn viên tăng (giảm thực tế)	“	1.274	
91.	Tổng số công đoàn cơ sở, trong đó:	CĐCS	713	
92.	+ Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp	“	517	
93.	+ DN nhà nước	“	4	
94.	+ DN ngoài nhà nước	“	175	
95.	+ DN có vốn đầu tư nước ngoài	“	15	
96.	+ Nghiệp đoàn	NĐ	2	
97.	Số DN có 25 công nhân lao động trở lên, trong đó:	DN	5	
98.	+ Số DN đã thành lập công đoàn cơ sở	“	3	Đạt 60% chỉ tiêu năm và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Kết quả thực hiện so với chỉ tiêu phấn đấu và chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (%)
				giao (5 doanh nghiệp)
99.	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở	đơn vị	11	
	2. Công tác đào tạo, bồi dưỡng.			
100.	Tổng số cán bộ công đoàn chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	lượt người	30	
101.	Tổng số cán bộ công đoàn không chuyên trách được đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về nghiệp vụ công đoàn	“	70	
	3. Giới thiệu đoàn viên công đoàn ưu tú cho Đảng bồi dưỡng xem xét, kết nạp.			
102.	Số đoàn viên công đoàn ưu tú được công đoàn cơ sở giới thiệu cho tổ chức Đảng xem xét, kết nạp	người	321	Đạt 44,6% chỉ tiêu Tổng Liên đoàn giao (719 đoàn viên công đoàn ưu tú)
103.	Số đoàn viên công đoàn ưu tú do công đoàn cơ sở giới thiệu được kết nạp vào Đảng	“	193	
104.	4. Chất lượng hoạt động công đoàn các cấp.			
105.	Tổng số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó:	đơn vị	0	Thực hiện cuối năm
106.	+ Số công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“	0	
107.	Tổng số công đoàn cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó:	CĐCS	0	Thực hiện cuối năm
	+ Số công đoàn cơ sở khu vực nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó:	CĐCS	0	
	+ Số công đoàn cơ sở khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“	0	
	+ Số công đoàn cơ sở ngoài khu vực nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ, trong đó:	CĐCS	0	
	+ Số công đoàn cơ sở ngoài khu vực nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	“	0	